TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HƯƠNG THỦY** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST
Ngày 01-11-2018
*"*V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con*"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THUỶ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Bình.
2. Bà Cái Thị Duyên.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Đình Tứ - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Hương Thủy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT tham gia phiên tòa: ông Lê Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2018, tại Hội trường Toà án nhân dân thị xã Hương Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2018/TLST-HNGĐ ngày 13/3/2018 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/9/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989, địa chỉ: Tổ X, phường TC, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Bị đơn: Anh Võ Tiến D, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 6/12 đường M, phường TC, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế: Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 09 tháng 01 năm 2018 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị Nguyễn Thị L và anh Võ Tiến D trước khi kết hôn hai người có tìm hiểu nhau thời gian khoảng 04 năm thì hai người đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 21/11/2011 tại Uỷ ban nhân dân phường TC, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn một thời gian, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Năm 2016 Chị Nguyễn Thị L đã nộp đơn yêu cầu được ly hôn anh Võ Tiến D tại Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi được Tòa án hòa giải chị L anh D đã đoàn tụ vợ chồng theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 31/2016/QĐST-HNGĐ ngày 03/6/2016 của Tòa án nhân dân thị xã HT. Đến cuối năm 2016 mâu thuẫn giữa chị L và anh D tiếp tục xảy ra, nguyên nhân do anh D không có trách nhiệm với vợ con. Vợ chồng đã nhiều lần tự hòa giải với

nhau nhưng anh D không thay đổi dẫn đến cả hai đã sống ly thân. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn và không hàn gắn được nên chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị L và anh D có 02 con chung là Võ Nguyễn Đ, sinh ngày 13/01/2012 và Võ Nguyễn Cẩm L sinh ngày 19/9/2013. Khi ly hôn chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con đến tuổi trưởng thành, yêu cầu anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng (500.0000đ/01 tháng/01 cháu). Hiện nay 02 cháu đang ở với chị L. Chị L đang làm công nhân thu nhập khoảng 4.200.000đ/tháng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Chị L trình bày không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai cũng như tại phiên tòa, bị đơn là anh Võ Tiến D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh D và chị L đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 21/11/2011 tại Uỷ ban nhân dân phường TC, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, năm 2016 chị L đã làm đơn yêu cầu được ly hôn, sau đó đã được Tòa án hòa giải vợ chồng trở về đoàn tụ, nhưng vẫn thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nên chị L đã về nhà mẹ đẻ để sinh sống từ năm 2017 đến nay. Bản thân anh D đã tìm mọi cách để hàn gắn tình cảm để cùng nhau xây dựng gia đình và nuôi dưỡng 02 con nhưng chị L không đồng ý. Nay chị L làm đơn xin ly hôn, anh D không đồng ý, vì anh D vẫn còn tình cảm, cũng như muốn vợ chồng cùng nhau nuôi dưỡng 02 con.

Về con chung: Anh D và chị L có 02 con chung là Võ Nguyễn Đ, sinh ngày 13/01/2012 và Võ Nguyễn Cẩm L sinh ngày 19/9/2013. Hiện nay hai cháu đang ở với chị L. Nếu phải ly hôn anh D đồng ý giao 02 người con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi con là 500.000đ/1tháng (02 con là 1000.000đ/ 1tháng). Bản thân anh D đang buôn bán thu nhập mỗi tháng khoảng 4.000.000đ.

Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Anh D trình bày không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn vắng mặt không tham gia tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo giấy triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Võ Tiến D; Giao 02 người con chung là Võ Nguyễn Đ, sinh ngày 13/01/2012 và Võ Nguyễn Cẩm L sinh ngày 19/9/2013 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Anh Võ Tiến D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/1tháng (500.000đ/1tháng/01 cháu) cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành. Về án phí: Chị L và anh D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện nộp Tòa án nhân dân Thị xã HT yêu cầu giải quyết về việc ly hôn giữa chị và anh Võ Tiến D có địa chỉ: Số 6/12 đường M, phường TC, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Võ Tiến D tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 21/11/2011 tại Uỷ ban nhân dân phường TC, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Võ Tiến D; anh D không đồng ý ly hôn vì cho rằng anh vẫn còn tình cảm thương yêu vợ con. Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi kết hôn được thời gian ngắn chị L và anh D đã có mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng thiếu tin tưởng nhau, anh D không tôn trọng chị L thường ghen tuông vô cớ, xúc phạm chị L. Năm 2016 chị L đã có đơn yêu cầu ly hôn anh D nhưng được Tòa án hòa giải nên vợ chồng đã trở về đoàn tụ. Tuy nhiên, đến tháng 3 năm 2018 do cuộc sống chung vợ chồng không được cải thiện, chị L và anh D đã sống ly thân không ai còn quan tâm tới nhau nên chị L viết đơn yêu cầu được ly hôn với anh D.

Anh D xác định vẫn còn tình cảm với chị L và mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy các con. Tuy nhiên sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo các văn bản tố tụng và triệu tập anh D hợp lệ nhiều lần để Tòa án tiến hành hòa giải, nhưng anh D cố tình vắng mặt không có lý do; theo kết quả xác minh tại địa phương và lời trình bày của anh D tại phiên tòa thể hiện quá trình chung sống vợ chồng chị L và anh D không hòa hợp vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chị L bỏ về nhà mẹ ruột để sinh sống, không ai quan tâm gì đến nhau. Xét thấy, đời sống chung giữa chị L và anh D có nhiều mâu thuẫn về tình cảm, kinh tế; tình

trạng mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Võ Tiến D.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Võ Tiến D có 02 người con chung là Võ Nguyễn Đ, sinh ngày 13/01/2012 và Võ Nguyễn Cẩm L sinh ngày 19/9/2013. Hiện nay cháu Anh và cháu Ly đang ở với chị L. Tại phiên tòa chị L và anh D thỏa thuận giao 02 người con chung là Võ Nguyễn Đ và Võ Nguyễn Cẩm L cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con là 500.000đ/1tháng (1.000.000đ/01 tháng/02 cháu). Sự thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Chị L và anh D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn, anh D chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a Khoản 1 điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Võ Tiến D.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Nguyễn Đ, sinh ngày 13/01/2012 và Võ Nguyễn Cẩm L sinh ngày 19/9/2013 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Anh Võ Tiến D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng/1 tháng/02 con; mỗi con số tiền là 500.000đ/1tháng) kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Anh và cháu Ly đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, chị L có đơn yêu cầu thi hành án mà anh D không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng thì anh D còn phải trả thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2013/000419 ngày 13/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy. Chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Võ Tiến D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT. Huế
- VKSND TX. Hương Thủy;
- THADS TX. Hương Thủy;
- UBND phường Thủy Châu, Thị xã Hương Thủy;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lê Văn Hạnh